

Số: *649* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *31* tháng *8* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa
đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của
Thanh tra tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 373/TTr-VP ngày 18/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh Thái Nguyên (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Thành phần hồ sơ theo khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện số hóa theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

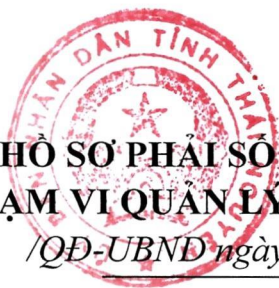
- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC

Thaont.3/2024. *HT*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến



DANH MỤC
THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: **049** /QĐ-UBND ngày **31** tháng **3** năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	1.010943.000.00.00.H55	Tiếp công dân	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cung cấp.		
					Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi lại nội dung tố cáo (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người tố cáo cung cấp.	- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	2.002499.000.00.00.H55	Xử lý đơn	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (nếu có).		
					Đơn đơn tố cáo, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	2.002407.000.00.00.H55	Giải quyết khiếu nại	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	2.002411.000.00.00.H55	Giải quyết khiếu nại	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		
5	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	2.002394.000.00.00.H55	Giải quyết tố cáo	Không có	Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo	<p>- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.</p> <p>- Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	1.010944.000.00.00.H55	Tiếp công dân	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cung cấp.	Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi lại nội dung tố cáo (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người tố cáo cung cấp.	- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	2.002500.000.00.00.H55	Xử lý đơn	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (nếu có).		
					Đơn đơn tố cáo, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).	- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	2.002408.000.00.00.H55	Giải quyết khiếu nại	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	2.002412.000.00.00.H55	Giải quyết khiếu nại	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		
5	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện	2.002395.000.00.00.H55	Giải quyết tố cáo	Không có	Đơn tố cáo hoặc bản ghi lời tố cáo	<p>- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.</p> <p>- Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.</p>

C. Thủ tục hành chính cấp xã

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1.010945.000.00.00.H55	Tiếp công dân	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh hoặc văn bản ghi lại nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, kiến nghị, phản ánh cung cấp.		
					Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi lại nội dung tố cáo (có chữ ký hoặc điểm chỉ của công dân); Các thông tin, tài liệu, bằng chứng do người tố cáo cung cấp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2.002501.000.00.00.H55	Xử lý đơn	Đơn khiếu nại, đơn kiến nghị, đơn phản ánh, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh (nếu có).		
					Đơn đơn tố cáo, các tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo (nếu có).	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại tại cấp xã	2.002409.000.00.00.H55	Giải quyết khiếu nại	Đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại		
4	Thủ tục giải quyết	2.002396.000.00.00.H55	Giải quyết	Không có	Đơn tố cáo hoặc bản	- Hồ sơ không phải số hoá theo quy định tại Điểm d

STT	Tên TTHC	Mã thủ tục	Lĩnh vực	Thành phần hồ sơ phải số hoá	Thành phần hồ sơ không phải số hoá	Ghi chú
	tố cáo tại cấp xã		khiếu nại		ghi lời tố cáo	khoản 4 Điều 4 Thông tư 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. - Tài liệu mật theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-TTg ngày 05/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.